TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Khoa: Kỹ thuật Giao thông  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bộ môn: Động lực**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần : **Tổ chức sửa chữa** **máy tàu thủy**

Mã học phần :MAE3860

Số tín chỉ : 2 TC.

Đào tạo trình độ : Đại học

Giảng dạy cho ngành : Kỹ thuật tàu thủy, Khoa học hàng hải

Bộ môn quản lý : Động lực

Học phần tiên quyết : TBNL tàu thủy, Máy phụ tàu thủy, Động cơ Diesel tàu thủy

Phân bổ tiết giảng của học phần

- Nghe giảng lý thuyết : 10 tiết

- Làm bài tập trên lớp :

- Thảo luận : 20 tiết

- Thực hành, thực tập :

- Tự nghiên cứu : 60 tiết

**2. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về quá trình tổ chức sửa chữa máy tàu thủy gồm các nội dung kiểm tra tình trạng kỹ thuật, phương pháp tổ chức sửa chữa máy khi tàu đang khai thác và lên đà.

**3. Chủ đề và chuẩn đầu ra của học phần**

**3.1. Danh mục chủ đề của học phần**

1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật
2. Phân loại, lập kế hoạch sửa chữa
3. Tổ chức sửa chữa máy trong điều kiện khai thác
4. Tổ chức sửa chữa máy khi tàu lên đà
5. Tổ chức thử máy tàu và nghiệm thu

**3.2. Xây dựng chuẩn đầu ra của quá trình dạy - học từng chủ đề của học phần**

**Chủ đề 1:** **Kiểm tra tình trạng kỹ thuật máy tàu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Bản chất và qui luật hao mòn, hư hỏng máy 2. Phương pháp và thiết bị kiểm tra tình trạng kỹ thuật máy tàu | 2  3 |
| **Thái độ**   1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật là cơ sở để quyết định tính đúng đắn của các công đoạn tổ chức sửa chữa máy tàu. 2. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật là một trong những nghiệp vụ của người Đăng kiểm viên tàu thủy |  |
| **Kỹ năng**   1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật máy tàu 2. Lập hồ sơ kỹ thuật máy tàu | 2  3 |

**Chủ đề 2 :** **Phân loại, lập kế hoạch sửa chữa**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các cấp độ sửa chữa máy tàu 2. Lập kế hoạch sửa chữa máy tàu | 2  3 |
| **Thái độ**   1. Dự tính thời hạn phục vụ chi tiết và cụm chi tiết máy là cơ sở cho bài toán lập kế hoạch vật tư, nhân công, thời gian và địa điểm sửa chữa. 2. Lập kế hoạch sửa chữa tốt sẽ giảm bớt hao phí hữu hình và vô hình của công tác sửa chữa máy tàu, tăng độ tin cậy khi khai thác |  |
| **Kỹ năng**   1. Dự tính thời hạn phục vụ chi tiết và cụm chi tiết máy 2. Lập kế hoạch vật tư, nhân công và thời gian sửa chữa | 2  3 |

**Chủ đề 3 :** **Tổ chức sửa chữa máy trong điều kiện khai thác**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các hư hỏng thường gặp trong quá trình khai thác máy tàu 2. Tổ chức sửa chữa máy trong điều kiện khai thác | 2  3 |
| **Thái độ**  Tổ chức sửa chữa máy tàu trên biển đảm bảo sức sống chung của tàu |  |
| **Kỹ năng**   1. Xác định nguyên nhân hư hỏng 2. Tổ chức sửa chữa máy tàu trên biển | 2  3 |

**Chủ đề 4 :** **Tổ chức sửa chữa máy khi tàu lên đà**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các loại hình sửa chữa máy khi tàu lên đà 2. Tổ chức sửa chữa máy khi tàu lên đà | 2  3 |
| **Thái độ**   1. Tổ chức sửa chữa máy khi tàu lên đà làm tăng chất lượng, giảm chi phí sửa chữa, giảm thời gian dừng khai thác của tàu thủy. 2. Lập qui trình, giám sát quá trình sửa chữa máy tàu thủy là một trong những nghiệp vụ chuyên môn Đăng kiểm viên. |  |
| **Kỹ năng**   1. Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật máy tàu 2. Lập qui trình, giám sát quá trình sửa chữa máy tàu | 2  3 |

**Chủ đề 5 :** **Tổ chức thử máy tàu và nghiệm thu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Qui định của Đăng kiểm về kiểm tra, thử máy tàu 2. Tổ chức thử máy tàu và nghiệm thu | 2  3 |
| **Thái độ**   1. Công đoạn không thể thiếu theo Quy định của Đăng kiểm nhằm kiểm tra chất lượng sửa chữa, đảm bảo an toàn cho tàu. 2. Là cơ sở pháp lý giữa chủ tàu và các bên liên quan. |  |
| **Kỹ năng**   1. Tổ chức thử máy tàu theo Qui định của Đăng kiểm 2. Lập biên bản kiểm tra, nghiệm thu | 2  3 |

**4. Phân bổ thời gian chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học** | | | | | **Tổng** |
| **Lên lớp** | | | **Thực hành, thực tập** | **Tự nghiên cứu** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập** | **Thảo luận** |
| 1 | 02 |  | 04 |  | 12 | 18 |
| 2 | 01 |  | 02 |  | 06 | 09 |
| 3 | 02 |  | 04 |  | 12 | 18 |
| 4 | 02 |  | 04 |  | 12 | 18 |
| 5 | 03 |  | 06 |  | 18 | 27 |
|  | **10** |  | **20** |  | **60** |  |

**5. Tài liệu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm**  **xuất bản** | **Nhà**  **xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** |
|
| 1 | Võ Đình Phi, Nguyễn Bá Mười | Công nghệ và tổ chức sửa chữa tàu thuỷ | 2004 | ĐH Hàng hải | Thư viện |
| 2 | Phùng Minh Lộc, Mai Sơn Hải | Cấu tạo và sửa chữa động cơ đốt trong | 2007 | ĐH Nha Trang | Thư viện |
| 3 | Nguyễn Thạch | Cơ sở độ tin cậy động cơ Diesel tàu thủy | 2004 | Khoa học kỹ thuật | Thư viện |
| 4 | Trần Hữu Nghị | Những sự cố động cơ Diesel tàu thủy | 2003 | GTVT | Khoa KTGT |
|  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các chỉ tiêu đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** |
| 1 | Tham gia học trên lớp: *lên lớp đầy đủ*, *chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận…* | *Quan sát, điểm danh* | 50 |
| 2 | Tự nghiên cứu: *hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao trong tuần, bài tập nhóm/tháng/học kỳ…* | *Chấm báo cáo, bài tập…* |
| 3 | Hoạt động nhóm | *Trình bày báo cáo* |
| 4 | Kiểm tra giữa kỳ | *Viết, vấn đáp* |
| 5 | Kiểm tra đánh giá cuối kỳ | *Viết, vấn đáp, thực hành* |
| 6 | Thi kết thúc học phần | *Viết, vấn đáp, tiểu luận…* | 50 |

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN**

**PGS TS Trần Gia Thái Ths Phùng Minh Lộc**